TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2024/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hải Nam.

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 32/2024/TLST-VLĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 16/2024/QĐST-VDS ngày 22 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Neàng T, sinh năm 1995; HKTT: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1 Bà Neàng Sóc D, sinh năm 1999; HKTT: Ấp S, xã A huyện T, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

2.2 Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E đường X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967; HKTT: Số G đường số A, Khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2024); (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.3 Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương - Khu T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2024). (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

** Tại đơn yêu cầu ngày 26/02/2024 và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Neàng T trình bày:*

Bà Neàng T và bà Neàng Sóc D có quan hệ là dì cháu. Vào khoảng tháng 05 - 06/2015, do bà Neàng Sóc D chưa đủ tuổi lao động nên có mượn bà Neàng T Chứng minh nhân dân số 352216148 do Công an tỉnh A cấp ngày 19/07/2009 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E đường X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Công ty Cổ phần Đ đã đóng bảo hiểm cho bà Neàng Sóc D với tên của bà Neàng T từ tháng 6/2015 đến tháng 03/2018. Tuy nhiên, thực tế khoảng thời gian từ tháng 11/2013 đến tháng 03/2019 bà Neàng T làm việc tại Công ty TNHH M1; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và có đóng Bảo hiểm xã hội mã số: 8013037435.

Nay bà Neàng T tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì Cơ quan Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm bị trùng từ tháng 6/2015 đến tháng 03/2018 (bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 6/2015 đến tháng 03/2018 tương đương với thời gian bà D mượn hồ sơ lao động của bà T).

Bà Neàng T đã liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố D nhờ hướng dẫn thì cán bộ hướng dẫn đến Tòa án để tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà Neàng Sóc D với tên của bà Neàng T và Công ty Cổ phần Đ theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Lao động Thương binh và Xã hội.

Do bà Neàng T và bà Neàng Sóc D không hiểu biết về pháp luật nên mới cho mượn giấy tờ để ký hợp đồng lao động như trên. Do đó, bà Neàng T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neàng T với Công ty Cổ phần Đ (thời gian làm việc từ tháng 6/2015 đến tháng 3/2018) là vô hiệu. Do cháu gái của bà Neàng T là bà Neàng Sóc D đã sử dụng thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ. Bà Neàng T chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc bà Neàng Sóc D mượn hồ sơ lao động của bà T để làm việc tại Công ty Cổ phần Đ lỗi của bà D, bà T và không liên quan đến Công ty. Do đó, bà Neàng T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, bà Neàng T xác định không có yêu cầu gì khác trong việc này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ trình bày:*

Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại Công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đó theo quy định.

Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty Cổ phần Đ thì vào tháng 6/2015 Công ty có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Neàng T, sinh năm 1995; HKTT: Ấp S, xã A huyện T, tỉnh An Giang (Số CMND 352216148 do Công an tỉnh A cấp ngày 19/07/2009). Bà T làm việc với vai trò là công nhân. Thời gian làm việc của bà Neàng T theo như quy định của Nội quy lao động Công ty. Đến tháng

04/2018, bà T đã nghỉ việc tại Công ty cho đến nay và Công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho bà T.

Tòa án yêu cầu Công ty cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan người lao động Neàng Ty, tuy nhiên vì thời gian người lao động này nghỉ việc đã hơn 5 năm nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ của bà T, chỉ còn dữ liệu trên máy tính.

Nay người lao động cho rằng có sự việc bà Neàng T cho cháu là bà Neàng Sóc D sử dụng thông tin của bà T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó việc bà T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neàng T (do người khác giả mạo tên) với Công ty Cổ phần Đ thì Công ty đồng ý với yêu cầu của bà T.

Đối với các chế độ của bà T sau khi nghỉ việc, Công ty đã giải quyết đầy đủ cho bà T.

Công ty xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì trong việc này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty Cổ phần Đ cho người lao động thì Công ty Cổ phần Đ có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Neàng T, sinh ngày 05/06/1995; CMND số 352216148, CCCD 089195019897, có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mã số BHXH 7408308385 tại Công ty Cổ phần Đ từ từ tháng 06/2015 đến tháng 03/2018 chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.

Ngoài ra, bà Neàng T còn có mã số 8013037435 tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2013 đến tháng 03/2019 tại Công ty TNHH M1; từ tháng 08/2020 đến tháng 03/2021 tại Công ty TNHH một thành viên J; từ tháng 06/2021 đến tháng 03/2022 tại Công ty TNHH K (Việt Nam) và từ tháng 11/2022 đến tháng 02/2024 tại Công ty TNHH MTV S chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Neàng T, Bảo hiểm xã hội không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Neàng T, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến. Đề nghị Toà án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Neàng Sóc D trình bày:*

Bà Neàng T là dì của bà D. Vào khoảng tháng 05 - 06/2015, do bà D chưa đủ tuổi lao động nên có mượn bà Neàng T - Chứng minh nhân dân số 352216148 do Công an tỉnh A cấp ngày 19/07/2009 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E đường X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Công ty Cổ phần Đ đã đóng bảo hiểm cho bà D với tên của bà Neàng T từ tháng 6/2015 đến tháng 03/2018. Tuy nhiên, thực tế khoảng thời gian từ tháng 11/2013 đến tháng 03/2019, thì bà Neàng T làm việc tại Công ty TNHH M1; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và có đóng Bảo hiểm xã hội.

Đến thời điểm hiện tại do đã lâu nên hợp đồng lao động và các giấy tờ liên quan khi bà D sử dụng thông tin của bà T ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ đã thất lạc hết các không thể cung cấp cho Tòa án. Tại thời điểm lấy thông tin của bà T để

giao kết hợp đồng, bản thân bà T, bà D không hiểu biết pháp luật nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Neàng T.

Do đó, đối với yêu cầu của bà Neàng T về việc yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neàng T với Công ty Cổ phần Đ (thời gian làm việc từ tháng 6/2015 đến tháng 3/2018) là vô hiệu, vì bà D đã sử dụng thông tin của bà Neàng T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ thì bà D đồng ý.

Bà D xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì trong việc này.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của bà Neàng T là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Neàng T có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện là tại Công ty Cổ phần Đ có địa chỉ tại số E, Đường X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Neàng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Neàng Sóc D, Công ty Cổ phần Đ, Bảo hiểm xã hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục phiên họp.

[2] Đối với yêu cầu của bà Neàng T xét thấy:

[2.1] Việc bà Neàng Sóc D mượn chứng minh nhân dân của bà Neàng T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc "Trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.2] Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương cung cấp thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Neàng T bị trùng từ tháng 6/2015 đến tháng 03/2018 tại Công ty Cổ phần Đ (theo mã số BHXH 7408308385).

[2.3] Trình bày của bà Neàng T là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết việc dân sự, phù hợp lời lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, bà Neàng T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa

bà Neàng T với Công ty Cổ phần Đ (thời gian làm việc từ tháng 6/2015 đến tháng 3/2018) vô hiệu là có cơ sở chấp nhận. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung việc dân sự, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Neàng T phải chịu lệ phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Neàng T.

Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Neàng T với Công ty Cổ phần Đ (thời gian làm việc từ tháng 6/2015 đến tháng 3/2018) là vô hiệu toàn bộ.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Neàng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004510 ngày 07/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Hải Nam